TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦY NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 255/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14-12-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Minh Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Công Hạ

Ông Bùi Đức Khoa

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hà- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 303/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 230/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị S; ĐKTT: Thôn 11, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; Nơi ở: Thôn 8, C, xã Đ, huyện T1, tỉnh Thái Bình; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Đức D; Nơi cư trú: Thôn 11, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, tại Biên bản lấy lời khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trần Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Phạm Đức D do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T1, tỉnh Thái Bình vào ngày 24 tháng 02 năm 2006. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng gia đình anh D ở thôn 11, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa

thuận, hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh D nghiện ma túy làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Chị có góp ý, khuyên anh D đi cai nghiện nhưng anh D không nghe. Vì vậy, hai bên thường xuyên xảy ra va chạm cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình bố, mẹ hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ năm 2008 đến nay, chị đã bỏ về cư trú cùng bố, mẹ đẻ chị ở thôn C, xã Đ, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Từ khi chị bỏ đi đến nay, anh D không đến tìm chị, thỉnh thoảng chị có về nhà anh D nhưng chỉ để thăm con, không lần nào chị về đoàn tụ cùng anh D. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Đức D.

Về con chung: Chị và anh Phạm Đức D có một con chung là Phạm Thùy D1, sinh ngày 22 tháng 11 năm 2006. Từ khi chị bỏ về đến nay, con chung do anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị đề nghị Tòa án giao con chung cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phạm Đức D: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh D để anh D đến Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên giải quyết việc chị Trần Thị S xin ly hôn nhưng anh D đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Trần Thị S được ly hôn anh Phạm Đức D. Về con chung: Giao cho anh D nuôi dưỡng con chung Phạm Thùy D1, sinh ngày 22 tháng 11 năm 2006 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản. Chị Trần Thị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị S có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Phạm Đức D. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Phạm Đức D hiện đang cư trú tại thôn 11, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Bị đơn anh Phạm Đức D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Đức D.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị S và anh Phạm Đức D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T1, tỉnh Thái Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24 tháng 02 năm 2006, nên theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Tuy anh Phạm Đức D không đến Tòa án, nên không có quan điểm của anh D về việc chị Trần Thị S xin ly hôn, nhưng căn cứ lời khai của nguyên đơn, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở xác định: Quá trình chung sống, chị Trần Thị S và anh Phạm Đức D đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, anh D mải chơi làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình nên hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Xét quan hệ hôn nhân của chị Trần Thị S và anh Phạm Đức D là không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đề nghị xin được ly hôn của chị Trần Thị S đối với anh Phạm Đức D.

[5] Về con chung: Chị Trần Thị S và anh Phạm Đức D có một con chung là Phạm Thùy D1, sinh ngày 22 tháng 11 năm 2006. Chị S đề nghị Tòa án giao con chung cho anh D nuôi dưỡng. Anh D không có quan điểm về con chung. Con chung Phạm Thùy D 1 có nguyện vọng được ở với bố. Xét thấy, hiện tại chị S và anh D đều là lao động tự do nên khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung của chị S và anh D như nhau. Từ năm 2008 đến nay con chung do anh D trực tiếp nuôi dưỡng đã ổn định và phát triển tốt, anh D còn được sự giúp đỡ của bố, mẹ anh D trong việc chăm sóc con chung. Nên để đảm bảo quyền lợi cho con chung, cần giao con chung cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng.

[6] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Phạm Đức D không có quan điểm về việc cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa án không giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[7] Về tài sản chung: Chị Trần Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Phạm Đức D không có quan điểm về vấn đề tài sản. Nên Tòa án không xem xét,

giải quyết về vấn đề tài sản, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[8] Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị S là nguyên đơn nên chị Trần Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị S và anh Phạm Đức D được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị S được ly hôn anh Phạm Đức D.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Thùy D, sinh ngày 22 tháng 11 năm 2006 cho anh Phạm Đức D tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Phạm Đức D không có quan điểm về việc cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa án không giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

4. Về tài sản chung: Chị Trần Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Phạm Đức D không có quan điểm về vấn đề tài sản. Nên Tòa án không xem xét, giải quyết về vấn đề tài sản, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

5. Về án phí: Chị Trần Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn chị Trần Thị S đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0008733 ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên. Chị Trần Thị S đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THA DS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Đ, huyện T1, tỉnh Thái Bình (ĐKKH ngày 24 tháng 02 năm 2006);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Minh Huế